

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Võ Sỹ Dờng	Thành viên
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2015)
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Trương Quang Luyện**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016*

Số: 76/2016/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2016 và được trình bày từ trang số 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán số 102/2015/UHY ACA-BCKT ngày 16/03/2015, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến số trích lập dự phòng phải thu khó đòi của đối tượng Hoàng Đình Thắng sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế 2014 cần được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Ngày 18/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu khó đòi sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2014. Ngày 30/06/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu khó có khả năng thu hồi này với khoản dự phòng đã trích lập.



---

**Vũ Bình Minh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0034-2015-055-1

---

**Đoàn Thu Hằng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1396-2015-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>215.454.510.886</b>	<b>198.566.577.908</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>16.669.374.388</b>	<b>8.143.980.520</b>
1. Tiền	111		6.450.031.755	8.143.980.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.219.342.633	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.730.990.668</b>	<b>36.264.912.324</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.578.915.900	24.794.921.385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.950.941.920	6.109.881.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.292.564.111	91.397.466.118
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.091.431.263)	(86.037.356.959)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>165.519.497.304</b>	<b>148.726.262.515</b>
1. Hàng tồn kho	141		165.519.497.304	150.398.596.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.672.334.192)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.534.648.526</b>	<b>5.431.422.549</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.228.973.399	2.471.445.445
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.305.675.127	2.959.977.104
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>230.681.559.837</b>	<b>251.487.975.700</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>298.766.864</b>	<b>15.360.902.788</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	298.766.864	15.360.902.788
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>77.984.913.778</b>	<b>72.285.999.277</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	70.521.239.195	64.706.074.694
- Nguyên giá	222		141.537.834.635	128.286.697.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.016.595.440)	(63.580.623.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.463.674.583	7.579.924.583
- Nguyên giá	228		8.314.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(850.560.167)	(734.310.167)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>101.613.615.806</b>	<b>25.021.066.743</b>
- Nguyên giá	231		166.715.475.699	80.567.521.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(65.101.859.893)	(55.546.454.448)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.790.725.316</b>	<b>136.561.550.112</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	49.790.725.316	136.561.550.112
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>993.538.073</b>	<b>2.258.456.780</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	993.538.073	2.258.456.780
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>446.136.070.723</b>	<b>450.054.553.608</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

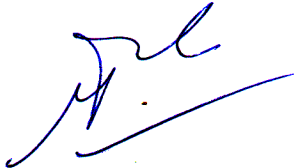
**MÃ SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>317.785.610.759</b>	<b>351.441.851.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>143.698.591.281</b>	<b>146.435.121.061</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	59.327.103.170	48.757.784.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		134.768.525	37.323.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	295.652.221	3.134.340
4. Phải trả người lao động	314		8.253.773.582	6.481.992.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.103.772.254	1.543.824.145
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.624.389.871	50.164.759
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.815.858.740	5.231.506.125
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	65.187.962.383	83.587.180.348
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		955.310.535	742.210.309
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>174.087.019.478</b>	<b>205.006.730.918</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.957.880.774	76.586.202.111
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	71.820.613.271	76.329.619.716
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	53.308.525.433	52.090.909.091
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>128.350.459.964</b>	<b>98.612.701.629</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>128.250.459.964</b>	<b>98.512.701.629</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.900.411.071	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.208.693.251	22.177.476.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.208.693.251	22.177.476.174
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>446.136.070.723</b>	<b>450.054.553.608</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

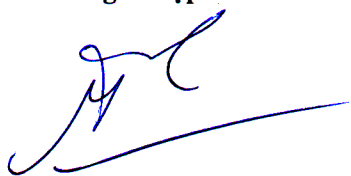
**MẪU SỐ B02- DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	516.996.471.615	695.997.939.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	20.922.259.830	22.305.711.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		496.074.211.785	673.692.227.829
4. Giá vốn hàng bán	11	25	344.055.491.355	483.170.231.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.018.720.430	190.521.996.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	466.080.447	364.623.484
7. Chi phí tài chính	22	27	3.986.361.699	5.306.930.630
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.817.333.860	4.963.687.206
8. Chi phí bán hàng	25	28	74.044.713.694	65.893.894.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	20.340.833.820	13.521.069.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.112.891.664	106.164.724.958
11. Thu nhập khác	31	31	2.652.182.489	2.317.308.030
12. Chi phí khác	32	32	1.271.453.324	730.865.377
13. Lợi nhuận khác	40		1.380.729.165	1.586.442.653
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.493.620.829	107.751.167.611
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	12.284.927.578	23.814.421.814
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.208.693.251	83.936.745.797
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6.596	13.951
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		6.596	13.951

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

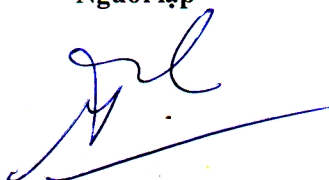
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MÃ SỐ B03 - DN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	478.700.246.987	555.955.144.486
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(331.353.611.831)	(412.011.996.865)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.974.801.094)	(38.864.633.730)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.903.576.423)	(5.132.535.238)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.376.108.794)	(27.226.470.704)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.782.790.262	34.218.418.058
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(42.632.171.671)	(104.045.242.458)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>67.242.767.436</b>	<b>2.892.683.549</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.077.280.395)	(10.945.896.499)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	215.000.000	1.296.464.547
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	454.719.293
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	461.932.829	631.718.733
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(24.400.347.566)</b>	<b>(8.562.993.926)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	273.779.936.499	325.585.083.581
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(292.179.154.464)	(347.138.797.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.917.904.590)	(9.433.760.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(34.317.122.555)</b>	<b>(30.987.473.517)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>8.525.297.315</b>	<b>(36.657.783.894)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8.143.980.520</b>	<b>44.800.526.330</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96.553	1.238.084
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.669.374.388</b>	<b>8.143.980.520</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0100100216 ngày 02/07/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Từ ngày 25/05/2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 394 người (tại ngày 31/12/2014 là 396 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- ....

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

#### Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo Tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của Công ty.

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và chế độ kế toán doanh nghiệp.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình, dự kiến hoàn thành trong quý II/2016.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	733.591.008	479.751.379
Tiền gửi ngân hàng	5.716.440.747	7.664.229.141
Các khoản tương đương tiền	10.219.342.633	-
<b>Cộng</b>	<b>16.669.374.388</b>	<b>8.143.980.520</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	691.936.262	17.913.161.687
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.886.979.638	6.881.759.698
<b>Cộng</b>	<b>7.578.915.900</b>	<b>24.794.921.385</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.292.564.111</b>	-	<b>91.397.466.118</b>	<b>84.871.423.319</b>
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	3.701.666.283	-	563.363.385	-
- Ký cược, ký quỹ	100.520.000	-	650.660.028	-
- Tạm ứng	416.045.890	-	340.060.561	-
- Cổ tức đã tạm ứng (*)	8.842.584.590	-	4.716.880.000	-
- Phải thu khác	231.747.348	-	255.078.825	-
- Đối trọng Hoàng Đình Thắng	-	-	84.871.423.319	84.871.423.319
<b>Dài hạn</b>	<b>298.766.864</b>	-	<b>15.360.902.788</b>	-
- Tổng công ty Giấy Việt Nam	-	-	14.970.290.436	-
- Ký cược, ký quỹ	298.766.864	-	390.612.352	-
<b>Cộng</b>	<b>13.591.330.975</b>	-	<b>106.758.368.906</b>	<b>84.871.423.319</b>

(\*) Trong năm 2015, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐQT ngày 19/07/2015 và Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18/11/2015 của Hội đồng quản trị Công ty. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2015 được Công ty theo dõi và ghi nhận như một khoản phải thu ngắn hạn khác (ghi nợ tài khoản 338 – Phải trả khác) trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Số tạm ứng cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty (tài khoản 421) sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃ SỐ B09 - DN**

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	780.129.069	780.129.069	-	780.129.069	390.064.534	390.064.535
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	1.223.067.602	611.533.802	611.533.800	1.223.067.602	-	1.223.067.602
Công ty TNHH Tuấn Phương	470.550.297	470.550.297	-	470.550.297	329.385.208	141.165.089
DNTN Vũ & Vỹ	229.218.095	229.218.095	-	229.218.095	229.218.095	-
Công ty TNHH Bao bì Vật phẩm VH-XD Minh Việt Long	-	-	-	434.531.603	217.265.803	217.265.800
Đối tượng Hoàng Đình Thảng (**)	-	-	-	84.871.423.319	84.871.423.319	-
<b>Cộng</b>	<b>2.702.965.063</b>	<b>2.091.431.263</b>	<b>611.533.800</b>	<b>88.008.919.985</b>	<b>86.037.356.959</b>	<b>1.971.563.026</b>

(\*) Tổng số công nợ phải thu của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là “ Công ty A&T”) theo bản án số 03/2015/KDTM-ST ngày 10/04/2015 của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh là 2.225.097.147 đồng, trong đó phí thuê mặt bằng và phí dịch vụ là 1.760.956.877 đồng (bao gồm số đã phát hành hóa đơn GTGT là 1.223.067.602 đồng, và số chưa phát hành hóa đơn là 537.889.275 đồng), và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 493.589.250 đồng. Theo bản án phúc thẩm số 1408/2015/KDTM-PT ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc tổng đạt các văn bản triệu tập bị đơn tham gia tố tụng là không hợp lệ, nên bản án sơ thẩm bị hủy về tố tụng. Bản án phúc thẩm cũng quyết định “ Hủy bản án số 03/2015/KDTM-ST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung”. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục gửi hồ sơ khởi kiện Công ty A&T theo quyết định của bản án phúc thẩm.

(\*\*) Số dư phải thu đối tượng Hoàng Đình Thảng tại 01/01/2015 với số tiền 84.871.423.319 đồng là số tiền của Công ty bị đối tượng này chiếm đoạt bằng việc lập hồ sơ vay giá và hồ sơ vay không đúng mục đích thông qua các giao dịch tại ngân hàng trong các năm trước. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỉ lệ 100% số dư phải thu. Ngày 18/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-DHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 61.759.269.623 đồng.

Ngày 30/06/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT xác định khoản phải thu đối tượng Hoàng Đình Thảng số tiền 84.871.423.319 đồng là khoản nợ khó có khả năng thu hồi, đồng thời phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu này với khoản dự phòng đã trích lập với số tiền tương ứng và tiếp tục theo dõi khoản nợ phải thu đã xử lý này ở chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán trong thời gian 10 năm tiếp theo. Trong kỳ, tòa án đã chuyển trả Công ty số tiền 1.165.259.482 đồng từ việc đấu giá tài sản của đối tượng Hoàng Đình Thảng. Tại ngày 31/12/2015, số dư của khoản nợ đã xử lý này là 83.706.163.837 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	56.346.572.704	-	54.736.518.288	839.858.934
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	10.184.603.372	-	11.530.847.709	-
Thành phẩm	51.027.045.929	-	46.186.022.660	832.475.258
Hàng hoá	47.961.275.299	-	37.945.208.050	-
<b>Cộng</b>	<b>165.519.497.304</b>	<b>-</b>	<b>150.398.596.707</b>	<b>1.672.334.192</b>

(\*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2015 là 5.065.047.440 đồng.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê nhà	763.788.128	454.335.165
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho	-	394.940.607
Công cụ dụng cụ	208.557.945	117.682.128
Chi phí khác	21.192.000	1.291.498.880
<b>Cộng</b>	<b>993.538.073</b>	<b>2.258.456.780</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃ SỐ B09 - DN

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	59.795.874.425	62.015.979.396	4.342.164.075	2.132.680.094	128.286.697.990
Mua trong năm	-	12.224.648.596	887.732.727	288.958.900	13.401.340.223
Đầu tư XDCB hoàn thành	349.796.422	-	-	-	349.796.422
Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	-	-	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	60.145.670.847	73.740.627.992	5.229.896.802	2.421.638.994	141.537.834.635
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	22.389.466.598	35.989.180.078	3.695.149.397	1.506.827.223	63.580.623.296
Khấu hao trong năm	2.541.635.487	4.902.551.417	259.243.706	167.481.528	7.870.912.138
Thanh lý, nhượng bán	-	(434.939.994)	-	-	(434.939.994)
Tại ngày 31/12/2015	24.931.102.085	40.456.791.501	3.954.393.103	1.674.308.751	71.016.595.440
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	37.406.407.827	26.026.799.318	647.014.678	625.852.871	64.706.074.694
Tại ngày 31/12/2015	35.214.568.762	33.283.836.491	1.275.503.699	747.330.243	70.521.239.195
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng</i>	7.662.226.261	22.297.085.282	3.704.621.893	1.203.482.304	34.867.415.740

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Tại ngày 31/12/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	734.310.167	734.310.167
Khấu hao trong năm	-	116.250.000	116.250.000
Tại ngày 31/12/2015	-	850.560.167	850.560.167
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	871.552.083	7.579.924.583
Tại ngày 31/12/2015	6.708.372.500	755.302.083	7.463.674.583

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	80.567.521.191	80.567.521.191
Đầu tư XDCB hoàn thành	86.147.954.508	86.147.954.508
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	166.715.475.699	166.715.475.699
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	55.546.454.448	55.546.454.448
Khấu hao trong năm	9.555.405.445	9.555.405.445
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	65.101.859.893	65.101.859.893
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	25.021.066.743	25.021.066.743
Tại ngày 31/12/2015	101.613.615.806	101.613.615.806

**14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	49.704.378.316	136.547.963.112
- Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
- Mua sắm TSCĐ	72.760.000	-
<b>Cộng</b>	<b>49.790.725.316</b>	<b>136.561.550.112</b>

(\*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m<sup>2</sup> gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m<sup>2</sup>/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

ST  
ÔN  
NH  
EM  
N  
TR



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

#### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	10.918.405.115	10.918.405.115
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	19.231.299.138	19.231.299.138	2.763.511.815	2.763.511.815
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	2.711.165.700	2.711.165.700	5.422.331.400	5.422.331.400
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam	1.874.162.900	1.874.162.900	5.975.448.700	5.975.448.700
- Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	189.716.945	189.716.945	11.377.091.698	11.377.091.698
- Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	3.848.511.536	3.848.511.536	738.221.614	738.221.614
- Phải trả cho các đối tượng khác	20.407.131.736	20.407.131.736	11.562.774.539	11.562.774.539
<b>Cộng</b>	<b>59.327.103.170</b>	<b>59.327.103.170</b>	<b>48.757.784.881</b>	<b>48.757.784.881</b>

Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	2.265.934.103	2.265.934.103	1.183.822.352	1.183.822.352

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	47.945.428.665	47.945.428.665	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	-	37.027.089.390	37.027.089.390	-
<i>Số thuế GTGT thực nộp</i>	-	10.918.339.275	10.918.339.275	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.774.349.914	4.774.349.914	-
Thuế Nhập khẩu	(139.252.148)	711.869.730	572.617.582	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.749.448.030)	12.386.884.473	12.376.108.794	(2.738.672.351)
Thuế Thu nhập cá nhân	(71.276.926)	455.527.636	399.920.912	(15.670.202)
Thuế đất	-	170.570.988	170.570.988	-
Tiền thuế đất	-	7.387.751.389	7.939.083.963	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	3.134.340	612.698.731	320.180.850	295.652.221
<b>Cộng</b>	<b>(2.956.842.764)</b>	<b>74.445.081.526</b>	<b>74.498.261.668</b>	<b>(3.010.022.906)</b>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	3.134.340			295.652.221
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	2.959.977.104			3.305.675.127

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.103.772.254</b>	<b>1.543.824.145</b>
- Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	140.618.970	226.861.533
- Chi phí khuyến mại	2.963.153.284	-
- Chi phí thuê đất	-	1.316.962.612
<b>Dài hạn</b>	<b>48.957.880.774</b>	<b>76.586.202.111</b>
- Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.957.880.774	76.586.202.111
<b>Cộng</b>	<b>52.061.653.028</b>	<b>78.130.026.256</b>

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.624.389.871	50.164.759
<b>Cộng</b>	<b>1.624.389.871</b>	<b>50.164.759</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	58.555.363.948	59.966.325.784
- Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	3.656.693.755	5.651.253.991
- Các công ty khác	-	1.103.484.373
<b>Cộng</b>	<b>71.820.613.271</b>	<b>76.329.619.716</b>

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m<sup>2</sup>. Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	-	25.865.448
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.815.858.740	5.205.640.677
<b>Cộng</b>	<b>4.815.858.740</b>	<b>5.231.506.125</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	-
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	49.090.909.091	49.090.909.091
<b>Cộng</b>	<b>53.308.525.433</b>	<b>52.090.909.091</b>

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN PHÒNG PHÁM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>273.779.936.499</b>	<b>292.179.154.464</b>	<b>83.587.180.348</b>	<b>83.587.180.348</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	55.910.349.954	55.910.349.954	223.636.191.314	219.825.342.491	52.099.501.131	52.099.501.131
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Long Biên	-	-	-	6.434.314.608	6.434.314.608	6.434.314.608
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (ii)	6.057.612.429	6.057.612.429	49.752.671.197	63.643.423.377	19.948.364.609	19.948.364.609
- Vay ngắn hạn thẻ Visa Ngân hàng - Vay cá nhân (iii)	3.220.000.000	3.220.000.000	391.073.988	391.073.988	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>273.779.936.499</b>	<b>292.179.154.464</b>	<b>83.587.180.348</b>	<b>83.587.180.348</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015 với hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn rút vốn từ ngày hết ngày 31/12/2015. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 672 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên. Lãi suất các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 5,9% đến 6,1%, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 36757.15.053.938704 ngày 29/10/2015 với tổng số tiền cam kết được cấp tối đa tại mọi thời điểm là 30 tỷ đồng. Mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Lãi suất các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 5,7% với thời hạn vay 3 tháng.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SỐ B09 - DN**

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>58.961.000.000</b>		<b>17.374.225.455</b>		<b>12.657.465.867</b>		<b>5.104.122.710</b>		<b>3.806.130.187</b>		<b>12.197.994.369</b>		<b>110.100.938.588</b>	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		83.936.745.797		83.936.745.797	
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(9.433.760.000)		(9.433.760.000)	
Trích quỹ khen thưởng	-		-		-		-		-		(1.219.799.437)		(1.219.799.437)	
Giảm khác	-		-		(12.657.465.867)		(5.104.122.710)		(3.806.130.187)		(63.303.704.555)		(84.871.423.319)	
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>58.961.000.000</b>		<b>17.374.225.455</b>		-		-		-		<b>22.177.476.174</b>		<b>98.512.701.629</b>	
Tăng vốn trong năm	-		-		-		-		-		-		-	
Lãi trong năm	-		-		-		-		-		43.208.693.251		43.208.693.251	
Phân phối lợi nhuận (*)	-		-		4.900.411.071		-		3.806.130.187		(22.177.476.174)		(13.470.934.916)	
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>58.961.000.000</b>		<b>17.374.225.455</b>		<b>4.900.411.071</b>		-		<b>3.806.130.187</b>		<b>43.208.693.251</b>		<b>128.250.459.964</b>	

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 là chi trả cổ tức với số tiền là 11.792.200.000 đồng, đồng thời trích lập các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển: 4.900.411.071 đồng; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 3.806.130.187 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.678.734.916 đồng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 để bù đắp tổn thất cho khoản chiếm đoạt bởi đối tượng Hoàng Đình Thắng với số tiền là 61.759.269.623 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tỷ lệ</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (*)	0,00%	-	24.500.850.000
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000	3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000	
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000	-
Ông Võ Sỹ Dờng	5,61%	3.307.600.000	3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000	27.514.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>58.961.000.000</b>

Ngày 21/10/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam, cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ đã chào bán thành công toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>22.177.476.174</b>	<b>73.957.263.992</b>
<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>	<b>22.177.476.174</b>	<b>12.197.994.369</b>
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	4.900.411.071	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.806.130.187	-
- Chia cổ tức	11.792.200.000	9.433.760.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.678.734.916	1.219.799.437
- Bù đắp tổn thất khoản phải thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.544.434.932
<b>Phân phối lợi nhuận năm nay</b>	<b>-</b>	<b>61.759.269.623</b>
- Bù đắp tổn thất khoản phải thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	61.759.269.623

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	83.706.163.837	-
<b>Ngoại tệ</b>		
- USD	1.097,25	1.110,45

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	493.146.493.086	470.460.970.143
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.849.978.529	225.536.969.141
<b>Cộng</b>	<b><u>516.996.471.615</u></b>	<b><u>695.997.939.284</u></b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	47.668.978	53.401.600

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	20.664.980.863	19.654.710.579
Hàng bán bị trả lại	257.278.967	2.651.000.876
<b>Cộng</b>	<b><u>20.922.259.830</u></b>	<b><u>22.305.711.455</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng	355.605.580.271	348.112.335.868
Giá vốn cung cấp dịch vụ	(11.550.088.916)	135.057.895.351
<i>Trong đó</i>		
<i>Giá vốn cho Công ty Thuận An Buiding thuê</i>	<i>(25.197.044.918)</i>	<i>130.510.844.006</i>
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ khác</i>	<i>13.646.956.002</i>	<i>4.547.051.345</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>344.055.491.355</u></b>	<b><u>483.170.231.219</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.390.256	363.385.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.690.191	1.238.084
<b>Cộng</b>	<b>466.080.447</b>	<b>364.623.484</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.817.333.860	4.963.687.206
Chi phí tài chính khác	168.451.800	343.243.424
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	576.039	-
<b>Cộng</b>	<b>3.986.361.699</b>	<b>5.306.930.630</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.647.308.355	11.803.255.672
Chi phí khấu hao TSCĐ	934.094.161	1.068.512.496
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	61.764.025	139.742.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.228.992.930	10.383.485.037
Chi phí khác	53.172.554.223	42.498.899.402
<b>Cộng</b>	<b>74.044.713.694</b>	<b>65.893.894.656</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.111.282.246	6.833.059.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	905.217.012	916.830.969
Chi phí đồ dùng văn phòng	805.482.018	203.825.577
Dự phòng phải thu khó đòi	925.497.623	258.802.194
Thuế, phí, lệ phí	289.480.171	319.339.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.977.026	1.628.868.622
Chi phí bằng tiền khác	7.766.897.724	3.360.343.052
<b>Cộng</b>	<b>20.340.833.820</b>	<b>13.521.069.850</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.511.521.363	220.932.027.303
Chi phí nhân công	42.374.109.852	38.048.911.734
Chi phí khấu hao	8.085.717.094	7.617.463.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.589.188.714	14.804.640.456
Chi phí khác bằng tiền	65.579.690.294	53.198.404.470
<b>Cộng</b>	<b>409.140.227.317</b>	<b>334.601.447.917</b>

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi Thanh lý TSCĐ	130.394.540	1.008.130.762
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	1.165.259.482	-
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	1.088.119.089	722.610.319
Thu bán phế liệu	195.454.546	560.127.896
Các khoản khác	72.954.832	26.439.053
<b>Cộng</b>	<b>2.652.182.489</b>	<b>2.317.308.030</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	843.892.188	653.924.181
Các khoản chi phí khác	427.561.136	76.941.196
<b>Cộng</b>	<b>1.271.453.324</b>	<b>730.865.377</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.493.620.829	107.751.167.611
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.209.957.458	343.782.786
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.041.888.949	-
<b>Thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>52.661.689.338</b>	<b>108.094.950.397</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.585.571.654</b>	<b>23.780.889.087</b>
Thuế TNDN truy thu của năm trước	699.355.924	33.532.727
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>12.284.927.578</b>	<b>23.814.421.814</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.208.693.251	83.936.745.797
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.208.693.251	83.936.745.797
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	4.320.869.325	1.678.734.916
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.596</b>	<b>13.951</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số trích theo dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2015 được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2015/NQ –ĐHCĐCĐ ngày 18/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, theo đó dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế.

#### 35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Tổng công ty Giấy Việt Nam là cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm ngày 21/10/2015. Kể từ ngày 22/10/2015, Tổng Công ty Giấy Việt Nam đã thoái toàn bộ số vốn ra khỏi Công ty nên không còn là bên liên quan của Công ty. Theo đó, Công ty không trình bày giao dịch và số dư với Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	3.894.770.913	2.885.158.077
<b>Thu nhập của Ban điều hành</b>	<b>1.699.001.521</b>	<b>1.311.881.875</b>
Hội đồng quản trị	336.000.000	342.900.000
Ban Tổng giám đốc	1.363.001.521	968.981.875

#### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh Số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.669.374.388	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.263.482.858	44.134.600.391
Tài sản tài chính khác	399.286.864	1.041.272.380
<b>Cộng</b>	<b>35.332.144.110</b>	<b>53.319.853.291</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	65.187.962.383	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	111.418.012.261	100.848.693.972
Chi phí phải trả	52.061.653.028	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	6.033.475.082	5.205.640.677
<b>Cộng</b>	<b>234.701.102.754</b>	<b>267.771.541.253</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	24.045.120	23.741.421	-	802.627.351
Euro (EUR)	-	-	34.230.028	-

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 86.037.356.959 đồng).

#### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	58.109.486.828	53.308.525.433	111.418.012.261
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028
Công nợ tài chính khác	4.815.858.740	1.217.616.342	6.033.475.082
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	83.587.180.348	-	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	48.757.784.881	52.090.909.091	100.848.693.972
Chi phí phải trả	1.543.824.145	76.586.202.111	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	5.205.640.677	-	5.205.640.677

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.669.374.388	-	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.263.482.858	-	18.263.482.858
Tài sản tài chính khác	100.520.000	298.766.864	399.286.864
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.143.980.520	-	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.164.309.955	14.970.290.436	44.134.600.391
Tài sản tài chính khác	650.660.028	390.612.352	1.041.272.380

**37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015	31/12/2014	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	91.397.466.118	90.406.745.529	990.720.589
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	990.720.589	(990.720.589)
Phải thu dài hạn khác	216	15.360.902.788	14.970.290.436	390.612.352
Tài sản dài hạn khác	268	-	390.612.352	(390.612.352)
<b>Cộng</b>		<b>106.758.368.906</b>	<b>106.758.368.906</b>	<b>-</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	50.164.759	-	50.164.759
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	76.329.619.716	76.379.784.475	(50.164.759)
<b>Cộng</b>		<b>133.702.199.691</b>	<b>133.702.199.691</b>	<b>-</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu		Năm 2014	Năm 2014	Ảnh hưởng
		phân loại lại	trước phân loại	VND
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	695.997.939.284	716.301.403.767	(20.303.464.483)
Gía vốn hàng bán	25	483.170.231.219	483.190.181.941	(19.950.722)
Chi phí bán hàng	28	65.893.894.656	85.973.849.635	(20.079.954.979)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	13.521.069.850	13.724.628.632	(203.558.782)
Thu nhập khác	31	2.317.308.030	2.605.641.815	(288.333.785)
Chi phí khác	32	730.865.377	1.019.199.162	(288.333.785)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



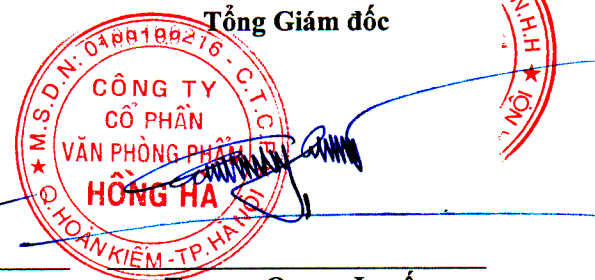
Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến